TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Hữu Bình.
2. Bà Lý Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2021, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **VŨ THỊ VINH H**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Tổ dân phố 18, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **ĐÀM XUÂN H**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ dân phố 18, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - (anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị VŨ THỊ VINH H trình bày: Tôi và anh ĐÀM XUÂN H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn T, huyện Y (nay là phường Đ, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, vào ngày 23 tháng 11 năm 1995, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới cho vợ chồng theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng mấy năm gần đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài. Đến đầu năm 2020 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm kinh tế.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng kéo dài, nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh ĐÀM XUÂN H theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Tôi và anh ĐÀM XUÂN H có 03 người con chung là Đàm Xuân H, sinh ngày 26/10/1997; Đàm Phương D, sinh ngày 29/01/2003 và Đàm Gia B, sinh ngày 25/10/2012. Do cháu Đàm Xuân H, cháu Đàm Phương D hiện nay đều trên 18 tuổi và đã trưởng thành, nên tôi không đề nghị Toà án xem xét giải quyết khi ly hôn. Đối với cháu Đàm Gia B, khi ly hôn tôi đề nghị Toà án giao cháu cho tôi là người trực tiếp trông nom, chăm sóc và giao dục; tôi không yêu cầu anh ĐÀM XUÂN H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Tôi và anh ĐÀM XUÂN H tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết khi ly hôn.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và anh H không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn anh ĐÀM XUÂN H trình bày tại Biên bản hòa giải có lưu trong hồ sơ vụ án: Tôi không nhất trí ly hôn với chị VŨ THỊ VINH H.

- Về con chung: Tôi và chị VŨ THỊ VINH H có 03 người con chung, do tôi không nhất trí ly hôn với Chị H nên tôi không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung: Tôi không có ý kiến gì.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi không có ý kiến gì.

Ý kiến của cháu Đàm Gia B, sinh ngày 25/10/2012 là con chung của chị VŨ THỊ VINH H và anh ĐÀM XUÂN H trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở trực tiếp với mẹ là VŨ THỊ VINH H.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ Chị H cung cấp cho Tòa án:

- 01 (Một) Trích lục kết hôn (bản sao) số 398/TLKH-BS ngày 19/7/2021 của UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mang tên vợ VŨ THỊ VINH H, mang tên chồng ĐÀM XUÂN H;

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Căn cước công dân tên VŨ THỊ VINH H;

- 01 (Một) Bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân tên ĐÀM XUÂN H;

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu tên chủ hộ ĐÀM XUÂN H;

- 03 (Ba) bản sao có chứng thực Giấy khai sinh tên Đàm Xuân H, sinh ngày 26/10/1997; Đàm Phương D, sinh ngày 29/01/2003 và Đàm Gia B, sinh ngày 25/10/2012.

Anh H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở của chị Vũ Thị Hoa và anh ĐÀM XUÂN H được biết: Chị H và anh H là vợ chồng có đăng ký kết hôn; có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 18, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng Chị H anh H trước đây chung sống hạnh phúc, nhưng gần đây có mâu thuẫn, theo địa phương được biết vợ chồng mâu thuẫn do đất đồng quan điểm trong làm kinh tế. Chị H và anh H có 03 người con chung là Đàm Xuân H, sinh ngày 26/10/1997; Đàm Phương D, sinh ngày 29/01/2003 và Đàm Gia B, sinh ngày 25/10/2012 hiện dang sinh sống ở tổ dân phố 18, phường Đ, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị H và anh H có 01 nhà xây 02 tầng trên đất Quốc phòng, còn tài sản khác địa phương không nắm được. Tài sản vay nợ của Chị H và anh H ở địa phương không thấy có vay cá nhân hay tổ chức đoàn thể.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là Chị H đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh H còn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; 35; 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; 235; 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị VŨ THỊ VINH H được ly hôn với anh ĐÀM XUÂN H.

- Về con chung: + Do cháu Đàm Xuân H, sinh ngày 26/10/1997 và cháu Đàm Phương D, sinh ngày 29/01/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi, các bên không có tranh chấp, nên không xem xét, giải quyết khi ly hôn.

+ Giao cháu Đàm Gia B, sinh ngày 25/10/2012 cho Chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.

- Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị VŨ THỊ VINH H và anh ĐÀM XUÂN H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại tại Uỷ ban nhân dân thị trấn T, huyện Y (nay là phường Đ, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, vào ngày 23 tháng 11 năm 1995, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm vợ

chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng mâu thuẫn căng thẳng không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nên Chị H có đơn xin ly hôn với anh H gửi Toà án giải quyết. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy Chị H và anh H có mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của Chị H là được ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh H có 03 người con chung là Đàm Xuân H, sinh ngày 26/10/1997; Đàm Phương D, sinh ngày 29/01/2003 và Đàm Gia B, sinh ngày 25/10/2012. Xét thấy cháu Đàm Xuân H, cháu Đàm Phương D hiện nay đều trên 18 tuổi và đã trưởng thành, các bên không có tranh chấp, nên không xem xét, giải quyết khi ly hôn. Đối với cháu Đàm Gia B, sinh ngày 25/10/2012 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người chưa đủ 18 tuổi, nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và nguyện vọng của cháu Bảo là được ở trực tiếp với mẹ là Chị H khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, giao cháu Bảo cho Chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị H tự nguyện không yêu cầu anh H đóng góp phí tổn nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là có căn cứ theo Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

Anh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Nguyên đơn là Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt Chị H và anh H theo Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án.

**** Tuyên xử*:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị VŨ THỊ VINH H được ly hôn với anh ĐÀM XUÂN H.

2. *Về con chung*: Giao cháu Đàm Gia B, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2012 cho chị VŨ THỊ VINH H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh ĐÀM XUÂN H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị VŨ THỊ VINH H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: - Chị VŨ THỊ VINH H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000051 ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh ĐÀM XUÂN H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị VŨ THỊ VINH H và anh ĐÀM XUÂN H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND P. Đội Cấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn